

Số 2915/QĐ-SGTVT

Đắk Nông, ngày 17 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019
của Sở Giao thông vận tải Đắk Nông**

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông Vận tải Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Giao thông vận tải Đắk Nông (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính và các đơn vị có liên quan thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang thông tin điện tử;
- Sở Tài Chính(b/c);
- Kho bạc NN tỉnh;
- GD, Phó GD Sở;
- Lưu VT, KH-TC(Nga).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Nhân Bản

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số : 2915/QĐ-SGTVT ngày tháng năm 2018)

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nhà nước phí, lệ phí, thu khác	
1	Số thu phí, lệ phí, Thu sự nghiệp	5.530.000.000
1.1	Lệ phí	3.000.000.000
	Lệ phí cấp GPLX	3.000.000.000
1.2	Phí	2.530.000.000
	Phí sát hạch ô tô	1.530.000.000
	Phí sát hạch mô tô	900.000.000
	Phí thẩm định công trình	100.000.000
1.3	Thu sự nghiệp	0
	Thu QLDA	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại và thu sự nghiệp	2.377.000.000
2.1	Chi sự nghiệp	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	2.377.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.377.000.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.116.000.000
1	Chi quản lý hành chính (L340-K341)	7.092.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.037.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.055.000.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế (L280-K338)	3.958.000.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.358.000.000
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.600.000.000
3	Sự nghiệp đào tạo	50.000.000
4	Thực hiện trích 1% CTX theo định mức để chuyển về Quỹ khen thưởng tỉnh	16.000.000
III	Dự toán chưa phân bổ:	766.000.000
1	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương	366.000.000
2	Kinh phí thực hiện cấp mới, cấp lại, cấp đổi GPLX (thực hiện giải ngân theo tiến độ trong năm)	400.000.000